

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – AN GIANG**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2026
“V/v ly hôn,”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Hoa.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Như Muội - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bích N, sinh năm 2000, CC số 091300017705; địa chỉ: ấp H, xã V, tỉnh An Giang. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Ông Trần Chí T, sinh năm 1986; CCCD số 091086015194; địa chỉ: ấp H, xã V, tỉnh An Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và ông T qua thời gian tìm hiểu, tự nguyện yêu thương nhau sau đó được sự thống nhất của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã V, tỉnh An Giang) theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống hôn nhân

xuất hiện nhiều điểm bất đồng, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù đã vợ chồng cố gắng hàn gắn để hạnh phúc gia đình không bị đổ vỡ nhưng vẫn không có kết quả, cuộc sống hôn nhân vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà N xác định không còn tình cảm với ông T, yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Chí T để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình vắng mặt không rõ lý do từ khi thụ lý và trong quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông T. Về con chung bà N xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Chí T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, xét thấy sự vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

Nguyên đơn bà N yêu cầu ly hôn với bị đơn ông T. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn”; bà N yêu cầu ly hôn với ông T, ông T có nơi cư trú tại ấp H, xã V, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực nên Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mặc dù ông bà đã có thời gian để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không thành và hơn nữa ông bà đã sống ly thân. Nay bà N xác định không còn tình cảm với ông T, bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T nhưng ông T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình cố tình vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án. Xét thấy bà N không còn tình cảm với ông T và ông T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và hiện nay ông bà đã sống ly thân. Từ đó, thấy rằng mâu thuẫn ông bà đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 (*ly hôn theo yêu*

cầu một bên) của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Huỳnh Thị Bích N được ly hôn với ông Trần Chí T là phù hợp.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng bà N chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 301890 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích N được ly hôn với ông Trần Chí T.

2- Về con chung: Ông T và bà N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4- Án phí ly hôn sơ thẩm: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà B Như chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 301890 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh An Giang.

5- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

THẨM

- Các đương sự;

TÒA

- TAND tỉnh An Giang;

- UBND xã Vĩnh Bình;

- VKSND khu vực 6, tỉnh An Giang;

- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

- Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh An Giang;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Mỹ Vinh

